

VẤN ĐỀ NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG VỀ QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI TRONG TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI

ĐINH XUÂN LÝ(*)

Trên cơ sở kế thừa các kết quả nghiên cứu đã có, tác giả góp phần làm rõ nội dung thuật ngữ quản lý phát triển xã hội, đồng thời đề cập quan điểm tiếp cận và giải quyết các vấn đề xã hội trong mối quan hệ với lĩnh vực kinh tế của một số thể chế nhà nước và giai cấp cầm quyền trong khu vực và thế giới. Thông qua sự trình bày những thành tựu bước đầu, cũng như những hạn chế, bất cập về lý luận và thực tiễn trong quá trình lãnh đạo quản lý phát triển xã hội thời kỳ đổi mới, bài viết làm rõ nhu cầu cần thiết và cấp bách về nâng cao năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta trong điều kiện mới.

1. Vấn đề quản lý phát triển xã hội

Khi bàn về khái niệm *phát triển xã hội*, trong giới nghiên cứu còn có những quan niệm khác nhau. Loại quan niệm thứ nhất coi phát triển xã hội đồng nghĩa với tăng trưởng kinh tế(1) và sự phát triển khoa học, công nghệ; loại quan niệm thứ hai cho rằng phát triển xã hội là sự phát triển của cá nhân và tổ chức xã hội mà cá nhân đó đang sống; loại quan niệm thứ ba coi phát triển xã hội là sự phát triển đời sống vật chất và tinh thần của cá nhân và cộng đồng...

Bài viết bước đầu luận chứng cho quan niệm coi *phát triển xã hội là quá trình vận động đi lên của đời sống vật chất, tinh thần con người*(2) và *sự vận động phát triển bền vững của xã hội*(3). Phát triển xã hội là *khía cạnh xã hội của sự phát triển* được thể hiện thông qua mối quan hệ biện chứng giữa phát triển xã hội với phát triển kinh tế, chính trị(4), văn hoá, an ninh - quốc phòng, đối ngoại và với vấn đề môi trường...; giữa phát triển xã hội hôm nay và xã hội trong tương lai; giữa phát triển xã hội của một quốc gia dân tộc cụ thể

trong mối quan hệ với khu vực, thế giới và trong bối cảnh toàn cầu hoá.

Quản lý phát triển xã hội là một thuật ngữ có nội hàm phong phú và có mối liên hệ biện chứng với những thuật ngữ khác trong các phân hệ - lĩnh vực của đời sống xã hội. Khi tiếp cận dưới góc độ triết học, *quản lý* được hiểu là quá trình chủ thể tác động vào

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó giám đốc Trung tâm Đào tạo, Bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị, Đại học Quốc gia Hà Nội.

(1) Tuy nhiên, Báo cáo phát triển thế giới năm 1992 của Ngân hàng Thế giới cho rằng, "Tăng trưởng kinh tế là phương tiện cơ bản để có được sự phát triển, nhưng bản thân nó chỉ là một đại diện không hoàn hảo của tiến bộ" (Triết học, số 4 (167), tháng 4-2005, tr.34).

(2) Trong đó chú trọng 3 chỉ số phát triển con người (HDI) của Liên hợp quốc: GDP bình quân đầu người; số năm đi học của người trưởng thành; tuổi thọ bình quân.

(3) Một xã hội được coi là phát triển *bền vững* phải bảo đảm 3 tiêu chí: kinh tế phát triển; môi trường được bảo vệ và tôn tạo; phát triển xã hội (trong đó cốt lõi là chất lượng sống của con người).

(4) Có nhà nghiên cứu cho rằng, "Về nguyên tắc, tác động của các yếu tố xã hội đến các quá trình kinh tế vĩ mô biểu hiện theo hai hướng là hình thành lực lượng lao động trong bối cảnh tiến bộ khoa học - kỹ thuật hiện đại và thông qua lĩnh vực xã hội, giữ vững sự cân bằng nhất định giữa cung và cầu trên thị trường hàng hoá và dịch vụ"; "Ổn định chính trị - xã hội đóng vai trò rất quan trọng trong việc tạo ra sự bền vững cho tăng trưởng và phát triển kinh tế"(Thông tin Khoa học xã hội, số 3, 2006, tr.32, 35).

khách thể để điều khiển quá trình vận động của khách thể nhằm đạt được mục đích của chủ thể. Với hàm nghĩa như vậy, *quản lý phát triển xã hội được coi là quá trình điều khiển (giải quyết - quản lý) những vấn đề xã hội (các hiện tượng xã hội, quá trình xã hội) trong quá trình phát triển kinh tế, chính trị, văn hoá, môi trường, an ninh - quốc phòng, đối ngoại nhằm xây dựng một xã hội phát triển bền vững.*

Khi tiếp cận dưới góc độ chính trị học thì *quản lý phát triển xã hội là hoạt động quản lý của nhà nước(5) (chủ thể quản lý) và các tổ chức ngoài nhà nước trong việc xây dựng và triển khai thực hiện các chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực xã hội, nhằm huy động tối đa các nguồn lực vào việc phát triển đời sống vật chất và tinh thần của con người và phát triển xã hội bền vững.* Quản lý phát triển xã hội có mối quan hệ biện chứng với quản lý phát triển kinh tế, quản lý phát triển chính trị và quản lý phát triển văn hoá.

Kể từ khi xuất hiện nhà nước, các giai cấp cầm quyền tùy theo nhãn quan chính trị của mình có những cách tiếp cận và giải quyết các vấn đề xã hội rất khác nhau. Đến thời đại tư bản chủ nghĩa, khi đứng trước thất bại của thị trường dẫn tới khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng xã hội, làm cho địa vị thống trị của giai cấp tư sản bị lung lay, các nhà kinh tế học tư sản đã chú ý nhiều hơn đến khía cạnh xã hội trong các học thuyết kinh tế của họ. Đặc biệt, trong mấy thập niên gần đây, trước những thất bại của thị trường tự do(6), các thể chế nhà nước tư sản ngày càng thấy rõ hơn vai trò của chính sách an sinh xã hội trong chiến lược phát triển quốc gia cũng như củng cố địa vị thống trị của giai cấp tư sản; vì vậy, họ ngày càng chú ý đổi mới cách tiếp cận giải quyết các vấn đề xã hội. Các công trình của C.Wilf: *Thị trường hay nhà nước: Một*

lựa chọn giữa giải pháp chưa hoàn chỉnh (Market or Government: Choosing between imperfect alternatives) (1989); A.R.Vining và D.L.Wiemer: Sự thất bại trong sản xuất và cung ứng nhà nước: Mô hình khung cạnh tranh (Government supply and production failure: a framework based on constestability) (1991); Le Grand: Lý thuyết về sự thất bại của nhà nước (The theory of government failure) đã phân tích rõ ràng, thị trường tự do có ưu điểm trong việc tạo động lực đối với nền sản xuất vật chất, nhưng cũng dễ gây ra khủng hoảng, mà việc khắc phục nó phải cần đến vai trò điều tiết của nhà nước. Một chức năng quan trọng của nhà nước hiện đại chính là giải quyết các vấn đề xã hội, khắc phục khiếm khuyết của thị trường, nhất là cung ứng các dịch vụ công đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho người dân và đảm bảo an sinh xã hội.

Thụy Điển - được xem là mô hình tiêu biểu cho trào lưu dân chủ xã hội(7). Vào

(5) Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* có viết: Nhà nước là “tổ chức thể hiện và thực hiện ý chí, quyền lực của nhân dân, thay mặt nhân dân, Nhà nước ta phải có đủ quyền lực và đủ khả năng định ra luật pháp và tổ chức, quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng pháp luật” (Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.145).

(6) Trong mô hình kinh tế thị trường tự do, “người ta hạ thấp vai trò của nhà nước, đề cao vị trí của khu vực tư nhân, giảm chi tiêu từ ngân sách quốc gia cho các lợi ích công cộng, điều chỉnh lại việc phân phối thu nhập theo hướng có lợi cho giới chủ tư bản” (Thông tin Khoa học xã hội, số 2, 2008, tr.7).

(7) Thụy Điển là điển hình của mô hình kinh tế thị trường xã hội. “Hệ thống các chính sách phúc lợi ở đây, bao gồm các chính sách trợ cấp cho giáo dục, y tế, trẻ em, người già, người tàn tật, người thất nghiệp..., được nhà nước chi ở mức cao nhất thế giới. Tuy vậy, với chính sách phúc lợi lớn, số đông người dân dễ lạm dụng các trợ cấp xã hội, còn các chủ tư bản thì tìm cách chuyển vốn ra nước ngoài để tránh thuế lũy tiến cao đánh vào thu nhập. Kết quả là kinh tế thị trường trong nước có lúc đã rơi vào suy thoái... Chính phủ Thụy Điển đã phải cắt giảm một phần các khoản phúc lợi xã hội” (Thông tin Khoa học xã hội, số 2, 2008, tr.8).

đầu thập niên 90 của thế kỷ trước, việc giải quyết vấn đề xã hội ở Thụy Điển đã đẩy tới trình trạng trì trệ trong xã hội, tác động tiêu cực tới tăng trưởng kinh tế và đến lượt nó cản trở đến khả năng thực hiện các chính sách phát triển xã hội. Bài học Thụy Điển rất đáng tham khảo cho tất cả các thể chế nhà nước, các đảng phái chính trị trong quá trình giải quyết các vấn đề xã hội với phát triển kinh tế.

Một trong những thành công của các "con rồng" mới xuất hiện trong khu vực Đông Á và Đông Nam Á là biết lựa chọn đúng đắn mô hình phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có việc điều chỉnh chức năng xã hội của nhà nước (Singapore, trong hơn một thập niên gần đây đã có những thay đổi rất đáng kể về phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng cơ bản, như nước sạch, môi trường, y tế, giáo dục,...) nhằm nâng cao phúc lợi công cộng cho người dân.

Trường hợp Nhật Bản cho thấy những đặc trưng quản lý phát triển xã hội của nước này là sự kết hợp thừa kế xã hội truyền thống với sự chọn lọc những cách thức quản lý hiện đại của châu Âu. Nó cũng cho thấy những thay đổi lớn trong giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, nhất là khi đứng trước chu kỳ suy thoái kinh tế, các thể chế cầm quyền luôn tìm cách kích hoạt động lực tăng trưởng kinh tế từ vấn đề con người và giải quyết các vấn đề xã hội.

Trong số các mô hình phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trên thế giới thì mô hình của Trung Quốc rất được quan tâm ở Việt Nam, vì quốc gia này có nhiều điểm tương đồng về thể chế chính trị cũng như đang trong quá trình chuyển đổi từ kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang kinh tế thị trường. Công cuộc cải cách ở Trung

Quốc với những thành tựu quan trọng về tăng trưởng kinh tế, kéo theo nó là sự biến đổi sâu sắc về cơ cấu xã hội, phân hoá giàu nghèo giữa các nhóm dân cư, giữa miền Đông và miền Tây,... tạo ra thách thức lớn đối với Đảng Cộng sản Trung Quốc. Với tư cách đảng cầm quyền trong thể chế xã hội chủ nghĩa, Đảng Cộng sản Trung Quốc những năm gần đây rất chú tâm giải quyết các vấn đề xã hội, kể cả kìm hãm tốc độ tăng trưởng kinh tế quá "nóng" gây tác động xấu đối với phát triển xã hội và môi trường sinh thái. Từ sau Đại hội XVII của Đảng Cộng sản Trung Quốc, vấn đề xã hội tiếp tục được quan tâm ở khía cạnh chiều sâu của quốc gia trên một tỷ dân này, và quan điểm *phát triển hài hoà* trở thành một đường hướng chủ đạo, trong đó mấu chốt là sự hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển xã hội, giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên, giữa thúc đẩy làm giàu hợp pháp với chăm lo cho người nghèo, giữa phát triển miền Đông và đại khai phát miền Tây,... Với mô hình Trung Quốc, các nhà nghiên cứu thường nhấn mạnh đến vai trò đầu tư của chính phủ trong đảm bảo phát triển xã hội hài hoà, đồng thời cũng cho thấy những khía cạnh đổi mới phương thức đảm bảo an sinh xã hội và phúc lợi xã hội, nhất là khắc phục những hạn chế của nhà nước bằng cách mở rộng vai trò tham gia của tư nhân vào việc cung ứng các dịch vụ xã hội cơ bản, như giáo dục, y tế, nước sạch, môi trường,...

Gần đây, trong báo cáo *Nhà nước trong một thế giới đang chuyển đổi* của Ngân hàng Thế giới (1998) đã có những tổng kết, đánh giá công phu quá trình cấu trúc lại chức năng nhà nước trên thế giới, trong đó đặc biệt lưu ý đến các trường hợp chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, như Trung Quốc và Việt Nam. Báo cáo này cũng nêu lên sự

thất bại của các mô hình nhà nước có tham vọng thọc sâu vào mọi ngõ ngách của đời sống kinh tế - xã hội và tất yếu phải chuyển đổi mô hình quản lý kinh tế - xã hội, trong đó có cấu trúc lại chức năng xã hội của nhà nước cho thích ứng với sự xác lập cơ chế thị trường. Tất nhiên, báo cáo này cũng lưu ý đến những quan niệm không đúng khi rút lui vai trò của nhà nước trong việc cung ứng các dịch vụ xã hội thiết yếu cho người dân. Đây là báo cáo thường niên, nên khi tổng kết, đánh giá vấn đề phát triển kinh tế - xã hội trên bình diện quốc tế đã có so sánh giữa các mô hình khác nhau, trong đó có những nhận định có giá trị tham khảo đối với Việt Nam.

2. Sự cần thiết nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng về quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới

Sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý phát triển xã hội bao gồm cả lãnh đạo ở cấp độ trung ương, cấp địa phương và cấp tổ chức cơ sở đảng; cả lãnh đạo theo phân hệ - lĩnh vực và lãnh đạo theo vùng lãnh thổ. Về phương thức lãnh đạo của Đảng, trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta chỉ rõ: "Đảng lãnh đạo xã hội bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương công tác; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, động viên, tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của đảng viên" (8).

Sự lãnh đạo của Đảng đối với quản lý phát triển xã hội với hàm nghĩa lãnh đạo hoạt động quản lý của nhà nước và các tổ chức ngoài nhà nước thực hiện tốt chính sách xã hội nhằm đạt tới đời sống vật chất và tinh thần cao đẹp cho nhân dân; nhằm đạt tới mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, đồng thuận, văn minh.

Năng lực lãnh đạo quản lý phát triển xã hội của Đảng bao gồm năng lực xây dựng đường lối (hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp phát triển xã hội); lãnh đạo tổ chức thực hiện hiệu quả đường lối phát triển xã hội; kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các vấn đề xã hội...

- Một trong những đặc điểm nổi bật của quá trình đổi mới ở Việt Nam là sự kết hợp sáng kiến của quần chúng (từ bên dưới) với sự nhạy cảm của Đảng (từ bên trên) đã hình thành đường lối đổi mới (9). Mặt khác, thực tế cũng cho thấy, *đổi mới chỉ có thể diễn ra khi có sự "án nút" khởi động từ phía Đảng cầm quyền* - mỗi biến chuyển của lĩnh vực phát triển xã hội đều gắn liền với sự đổi mới tư duy của Đảng. Ngược lại, những hạn chế, yếu kém của lĩnh vực phát triển xã hội cũng có trách nhiệm từ phía Đảng, bao gồm cả xác định đường hướng dẫn dắt lẫn tổ chức chỉ đạo thực hiện. Vì vậy, đối với trường hợp Việt Nam, để nâng cao hiệu quả quản lý phát triển xã hội tất yếu phải nâng cao vai trò, năng lực lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Đối với bất kỳ thể chế chính trị nào thì *vấn đề phát triển xã hội cũng chiếm vị trí trọng yếu*, vì nó quyết định việc duy trì xã hội trong trật tự, ngăn ngừa nguy cơ xung đột, tạo động lực cho phát triển kinh tế. Nhưng đối với thể chế chính trị xã hội chủ nghĩa thì vấn đề không dừng lại ở đó, mà được đặt ra nghiêm túc và lớn lao hơn nhiều. *Phát triển xã hội phản ánh bản chất của một chế độ của con người, do con người*

(8) Đảng Cộng sản Việt Nam. *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51. Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr.147.

(9) Để có được đường lối đổi mới toàn diện của Đại hội VI, trước đó đã có những bước đột phá cục bộ về đổi mới tư duy kinh tế (chủ trương và quyết tâm làm cho sản xuất bung ra của Hội nghị Trung ương 6 khoá IV, 8-1979, được coi là bước đột phá đầu tiên để tiến tới hình thành đường lối đổi mới toàn diện).

và vì con người, một thuộc tính cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Suy cho cùng, người dân trông chờ ở chủ nghĩa xã hội qua chính những giá trị mà họ được thụ hưởng hàng ngày, được cảm nhận trong cuộc sống. Tăng trưởng kinh tế, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng nếu không thật sự vì lợi ích nhân dân thì sẽ lạc vào mục tiêu trung gian và rốt cuộc, sẽ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Do đó, phát triển xã hội trở thành vấn đề cơ bản nhất của định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ ở nước ta.

- Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường là những vấn đề chưa có tiền lệ đối với Đảng Cộng sản cầm quyền. Trước đây, chúng ta đã từng áp dụng chính sách phát triển xã hội gắn với mô hình kinh tế kế hoạch hoá tập trung bao cấp, trong đó nhà nước nắm từ quyền sở hữu tư liệu sản xuất, quyền phân phối kết quả sản xuất đến quyền định đoạt cơ hội phát triển của mọi thành viên trong xã hội, với hy vọng đem lại một xã hội công bằng, bình đẳng, trật tự, kỷ cương, không còn áp bức bất công. Nhưng thực tiễn đã xác nhận sự thất bại của mô hình đó, trước hết ở chỗ nó đã triệt tiêu tính năng động, phát triển của lực lượng sản xuất, cản trở sự tăng trưởng kinh tế, rốt cuộc nhà nước không có nguồn lực kinh tế để giải quyết các mục tiêu xã hội. Trước tình hình đó, Đảng đã chủ động đổi mới quan niệm phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội gắn với thể chế kinh tế thị trường. Thực tiễn hơn 20 năm đổi mới đã xác nhận tính đúng đắn trong quyết định đổi mới của Đảng và nhờ đó, đã giải quyết thành công nhiều mục tiêu xã hội(10). Tuy nhiên, bên cạnh mặt thành công cũng còn nhiều hạn chế trong nhận thức, đổi mới tư duy về các vấn đề văn hoá và xã hội, cơ chế quản lý văn hoá, xã hội. Vẫn còn tồn tại tư tưởng coi việc giải quyết

các vấn đề xã hội là thuộc trách nhiệm của Nhà nước, chưa quan tâm thu hút các thành phần kinh tế, các nguồn lực trong xã hội tham gia giải quyết các vấn đề văn hoá, xã hội; chưa hình thành quan niệm thống nhất về vấn đề xã hội hoá các hoạt động dịch vụ xã hội, về công bằng và bình đẳng, về sự phân hoá giàu nghèo ở nước ta. Nhận thức về vấn đề giao lưu, hội nhập văn hoá và giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc cũng còn những ý kiến khác nhau. Hạn chế trong hoạt động thực tiễn cũng thể hiện rất rõ qua việc kết hợp chưa tốt mục tiêu phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội. Trong chỉ đạo thực tiễn thường chú ý nhiều đến các chỉ tiêu vật chất, chưa quan tâm đúng mức các chỉ tiêu về phát triển xã hội và bảo vệ môi trường(11). Ngoài ra, thực tiễn cũng đặt ra những tình huống mới mà nếu không kịp thời xử lý sẽ dẫn đến những hệ lụy khó lường. Phân tầng xã hội đang tiềm ẩn nguy cơ gây xung đột xã hội. Các giai cấp, tầng lớp đang nằm trong quá trình tái cấu trúc diện mạo của chính mình, nhưng định hướng của Đảng cầm quyền như thế nào trong các chính sách phát triển xã hội chưa thật sáng rõ? Đảm bảo phúc lợi xã hội trong cơ chế thị trường đi đôi với khai thác sức mạnh của thị trường và phát huy vai trò của nhà nước

(10) Từ năm 2000 đến năm 2005 tạo việc làm cho 7,5 triệu lao động; công tác xoá đói giảm nghèo được đẩy mạnh và đạt kết quả đầy ấn tượng. Ngay từ năm 2002, Việt Nam đã được Liên hợp quốc đánh giá là "hoàn thành sớm hơn so với kế hoạch toàn cầu: giảm một nửa tỷ lệ nghèo vào năm 2015"; Chỉ số phát triển con người (HDI) từ mức dưới trung bình (0,498 năm 1991), năm 2004 với chỉ số 0,691 xếp thứ 112 trên tổng số 177 nước được điều tra, năm 2005 xếp thứ 108 trong tổng số 177 nước được điều tra,... (Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban chỉ đạo tổng kết lý luận: Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986 - 2006), tr.79 - 81).

(11) Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban chỉ đạo tổng kết lý luận: Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006), tr.114 - 116.

như thế nào cho hợp lý là những vấn đề còn lúng túng cả trong lý thuyết lẫn chỉ đạo thực hiện. Thực hiện cung ứng các dịch vụ xã hội trong điều kiện thừa nhận cạnh tranh, xã hội hoá, với thu hút sự tham gia của tư nhân như thế nào cho đúng hướng cũng còn nhiều vấn đề còn bỏ ngỏ về mặt lý luận. Điều đó đặt ra cả những vấn đề *chiều rộng lẫn chiều sâu* đối với Đảng cầm quyền trong lãnh đạo phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội, mà đột phá chính là ở quản lý phát triển xã hội phù hợp với sự xác lập và vận hành của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Một số nghiên cứu của người nước ngoài⁽¹²⁾ về *phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở Việt Nam* đã cho thấy những đổi mới trong tiếp cận phát triển xã hội gần đây của Đảng và Chính phủ Việt Nam, đặc biệt là vấn đề xoá đói giảm nghèo. Ở đây có nhiều ý kiến *mang tính phản biện* đối với chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước Việt Nam, như cho rằng còn thiếu cách tiếp cận từ cộng đồng, vẫn còn không ít áp đặt từ phía Nhà nước, thiếu tính bền vững trong phát triển. Tổ chức hệ thống an sinh xã hội của Việt Nam vẫn chưa theo kịp với sự vận hành của quan hệ thị trường, của toàn cầu hoá, nhất là việc khắc phục các rủi ro do thiên tai và rủi ro xã hội. Tất cả những vấn đề đó chỉ có thể được khắc phục trước hết bằng sự đổi mới tư duy nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam - với tư cách lực lượng duy nhất lãnh đạo xã hội.

Phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong điều kiện hội nhập và toàn cầu hoá là vấn đề rất mới mẻ đối với Đảng Cộng sản với tư cách Đảng cầm quyền. Nói tới phát triển xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường và trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay không thể không nói tới hội nhập, mà ở đó có những mặt phát triển xã

hội tuân theo các quan hệ thị trường hoặc phi thị trường đã trở thành chuẩn mực quốc tế. Tuy nhiên, nhân quyền và phát triển xã hội bên cạnh giá trị phổ quát còn có những nét đặc thù của từng dân tộc do trình độ phát triển, do đặc trưng văn hoá, do thể chế chính trị quy định. Giải quyết như thế nào mối quan hệ giữa cái phổ biến và cái đặc thù trong điều kiện đã cam kết thực hiện các quyền con người, các mục tiêu thiên niên kỷ, mở cửa một số dịch vụ xã hội,... là những vấn đề không giản đơn đối với Đảng cầm quyền.

Nghiên cứu của J.Rdeedy (1993): "*Kinh nghiệm của tổ chức phi chính phủ quốc tế tại Việt Nam*"; của Ngân hàng Thế giới (2000): "*Việt Nam tiến vào thế kỷ XXI - trụ cột của sự phát triển*" đã tổng kết những hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, các định chế tài chính quốc tế tại Việt Nam trong quá trình thực hiện các dự án phát triển xã hội, như xoá đói giảm nghèo, tạo cơ hội vươn lên cho các nhóm cư dân bị tổn thương, thực hiện an sinh xã hội... Các báo cáo này đưa ra một số khuyến cáo rất đáng tham khảo cho thể chế cầm quyền, nhất là xác định cơ cấu đầu tư hợp lý cho phát triển xã hội, lựa chọn cách tiếp cận đảm bảo nguồn vốn trực tiếp đến tay người được thụ hưởng, tránh thất thoát ở các tầng nấc trung gian. Đặc biệt, báo cáo gần đây của Đại học Harvard - Chương trình châu Á: "*Lựa chọn thành công bài học từ Đông Á và Đông Nam Á cho tương lai của Việt Nam*" (2007) đã phân tích những vấn đề tiềm ẩn nguy cơ xung đột xã hội của Việt Nam dưới

(12) Các công trình của Viện Nghiên cứu phát triển quốc tế Harvard, Đại học Harvard (1994): *Những thách thức trên con đường cải cách ở Đông Dương*; J.Krishnamurty (1999): *Mạng lưới an sinh xã hội cho các nhóm dễ tổn thương ở Việt Nam. Báo cáo về việc làm và hệ thống an sinh xã hội thị trường lao động cho các nhóm dễ tổn thương ở Việt Nam*; UNDP (2004): *Đánh giá năng lực thể chế trong quản lý rủi ro thiên tai ở Việt Nam*; ADUKI Pty Ltd (1995): *Poverty in Vietnam (Vấn đề đói nghèo ở Việt Nam)*;...

tác động của toàn cầu hoá, của các chính sách phát triển thiếu hợp lý trong thời gian qua, đặt ra nguy cơ tái nghèo đói, thiếu phát triển bền vững. Đặc biệt, các dấu hiệu của lạm phát, của giá cả tăng vọt, của khủng hoảng, dịch bệnh phi truyền thống,... càng đè nặng lên cuộc sống của người dân mà mức sống chỉ mới được cải thiện ở mức độ thấp. Vì vậy, để đảm bảo phát triển bền vững, báo cáo này đưa ra khuyến nghị cải cách căn bản điều hành kinh tế vĩ mô, giải quyết những bất cập trong cơ cấu kinh tế và chăm lo thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội, đặc biệt là tăng cường vai trò của nhà nước trong cung ứng các dịch vụ xã hội thiết yếu.

- Lãnh đạo phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của Đảng qua hơn 20 năm đổi mới tuy đã đạt được nhiều thành tựu không thể phủ nhận, nhưng cũng còn không ít mâu thuẫn chưa được giải quyết. Đó là những mâu thuẫn giữa kết hợp tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội; giữa khuyến khích lao động làm giàu chính đáng với bảo đảm công bằng xã hội; giữa bảo đảm công bằng xã hội với tăng cường động lực phát triển kinh tế... Bên cạnh đó, những vấn đề lý luận và thực tiễn về đặc trưng phương thức lãnh đạo của Đảng đối với lĩnh vực phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội chưa thật sáng rõ, vẫn còn tình trạng bao biện, can thiệp sâu vào những nội dung không cần thiết(13). Vai trò lãnh đạo của cá nhân đảng viên vẫn chưa được phát huy đầy đủ. Nhiều thành quả đạt được về phát triển xã hội thiếu bền vững, có nguy cơ tái phát khủng hoảng xã hội khi xảy ra lạm phát, tăng giá, tác động của thảm họa tự nhiên, khủng hoảng, dịch bệnh phi truyền thống... Nhiều tình huống mới mà thực tiễn đặt ra đối với vai trò lãnh đạo của Đảng vẫn chưa được giải quyết cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn, nhất là lãnh đạo xử lý các tình huống khẩn cấp, các trạng thái bất bình thường trong phát triển xã hội và quản lý phát

triển xã hội do thiên tai và rủi ro xã hội. Đảng lãnh đạo phát triển xã hội ở cả trạng thái bình thường và bất bình thường; cả cấp độ trung ương, địa phương và cơ sở; cả theo phân hệ - lĩnh vực và địa bàn - lãnh thổ vẫn ít được cất nhắc dưới các góc độ khoa học.

Trước yêu cầu phải nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội đáp ứng sự nghiệp đổi mới, đã có một số nghiên cứu đề cập trên nhiều chiều cạnh về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội của nước ta. Trong đó có nghiên cứu mở ra hướng tiếp cận mới về quan điểm của thể chế cầm quyền trong trong hoạch định và thực thi các chính sách đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi xã hội, cung ứng dịch vụ công, giải quyết mối quan hệ giữa Đảng với nhà nước, giữa nhà nước với thị trường,... trong phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội. Tuy vậy, đến nay vẫn thiếu vắng những nghiên cứu có hệ thống về sự lãnh đạo của Đảng trong giải quyết các vấn đề xã hội, càng chưa có công trình nào nghiên cứu đến năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội trong tiến trình đổi mới. Do đó, việc nghiên cứu cơ sở khoa học của việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng; đề xuất quan điểm, phương hướng và giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng đối với phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội ở nước ta trong điều kiện mới là nhu cầu cần thiết và cấp bách hiện nay. □

(13) Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới nhận định: "Phương thức lãnh đạo của Đảng còn lúng túng, hạn chế, chưa phát huy đầy đủ vai trò của chính quyền và các đoàn thể nhân dân. Việc phối hợp kiểm tra của Đảng với thanh tra nhà nước chưa chặt chẽ" (Đảng Cộng sản Việt Nam. Ban chỉ đạo tổng kết lý luận: Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 20 năm đổi mới (1986-2006), tr.122).